

Strepsils[®]

Maxpro (Flurbiprofen 8.75mg)

**VIÊM NGÂM KHÁNG VIÊM,
GIẢM SƯNG, ĐAU TẠI CHỖ TRONG VIÊM HỌNG NẶNG**



**Hiệu quả
trong
3 giờ**

Tài liệu này có 02 trang, phần thông tin chi tiết sản phẩm xem trang 1,2

Tên thuốc: Strepsils Maxpro. Hoạt chất: Flurbiprofen 8,75 mg. • **Chỉ định:** Viên ngậm Strepsils Maxpro được chỉ định để làm giảm đau trong viêm họng nặng có triệu chứng. Giúp loại trừ sưng đau và nhạy cảm đau ở họng. Tác dụng chống viêm. • **Liều lượng và cách dùng:** Người lớn, người cao tuổi và trẻ em trên 12 tuổi: Ngậm 1 viên để tan chậm trong miệng mỗi 3-6 giờ khi cần. Tối đa 5 viên ngậm trong thời gian 24 giờ. Nên dùng liều thấp nhất có hiệu quả trong thời gian ngắn nhất cần thiết để làm giảm triệu chứng. Bệnh nhân nên tham khảo ý kiến bác sĩ nếu các triệu chứng kéo dài hoặc xấu đi, hoặc nếu cần dùng thuốc hơn 3 ngày. Khuyến cáo nên sử dụng thuốc này trong thời gian tối đa 3 ngày. Cũng như với tất cả các viên ngậm, để tránh kích ứng tại chỗ, nên di chuyển viên thuốc Strepsils Maxpro quanh miệng khi bạn đang ngậm. • **Chống chỉ định:** Quá mẫn với flurbiprofen hoặc bất kỳ tá dược nào của thuốc. Bệnh nhân đã có biểu hiện phản ứng quá mẫn trước đây (như hen, viêm mũi, phù mạch, hoặc nổi mề đay) phản ứng với aspirin hoặc các thuốc chống viêm không steroid (NSAID) khác. Loét/ xuất huyết dạ dày tá tràng hoạt động hoặc tiền sử loét/ xuất huyết dạ dày – tá tràng tái phát (hai hoặc nhiều giai đoạn loét hoặc xuất huyết rõ rệt đã được chứng minh). Tiền sử xuất huyết hoặc thủng dạ dày – ruột liên quan đến điều trị bằng thuốc chống viêm không steroid trước đây. Suy tim nặng, suy thận nặng hoặc suy gan nặng. Ba tháng cuối của thai kỳ. • **Cảnh báo và thận trọng đặc biệt khi sử dụng:** Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ. Các tác dụng không mong muốn có thể được giảm thiểu bằng cách sử dụng liều thấp nhất có hiệu quả trong thời gian ngắn nhất có thể cần thiết để kiểm soát các triệu chứng. Người cao tuổi có sự tăng tần suất các phản ứng phụ đối với thuốc

chống viêm không steroid (NSAID), đặc biệt là xuất huyết và thủng dạ dày-ruột, có thể gây tử vong. *Hô hấp*: Co thắt phế quản có thể bị thúc đẩy ở bệnh nhân đang bị hoặc có tiền sử bị hen phế quản hoặc bệnh dị ứng. *Các thuốc chống viêm không steroid (NSAID) khác*: Nên tránh sử dụng đồng thời viên ngậm Strepsils Maxpro với các thuốc NSAID bao gồm cả thuốc ức chế chọn lọc cyclooxygenase-2. *Bệnh lupus ban đỏ hệ thống (SLE) và bệnh mô liên kết hỗn hợp*: làm tăng nguy cơ viêm màng não vô khuẩn. *Thận*: suy thận. *Gan*: rối loạn chức năng gan. *Tác dụng trên tim mạch và mạch máu não*: Cần thảo luận với bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi bắt đầu điều trị ở những bệnh nhân có tiền sử tăng huyết áp và/hoặc suy tim vì đã có báo cáo ứ dịch, tăng huyết áp và phù liên quan với việc điều trị bằng thuốc NSAID. *Suy giảm khả năng sinh sản ở nữ*: Có một số bằng chứng cho thấy thuốc ức chế tổng hợp cyclooxygenase/prostaglandin có thể gây suy giảm khả năng sinh sản ở nữ bằng cách ảnh hưởng đến sự rụng trứng. Điều này có thể hồi phục khi ngừng điều trị. *Dạ dày-ruột*: cần thận trọng khi dùng thuốc NSAID cho những bệnh nhân có tiền sử bệnh về dạ dày-ruột vì các tình trạng này có thể trầm trọng thêm. Xuất huyết, loét hoặc thủng dạ dày-ruột, có thể gây tử vong, đã được báo cáo với tất cả các NSAID bất cứ lúc nào trong khi điều trị, có hoặc không có triệu chứng cảnh báo. Nguy cơ xuất huyết, loét hoặc thủng dạ dày-ruột cao hơn với sự tăng liều NSAID ở những bệnh nhân có tiền sử loét, đặc biệt nếu có biến chứng xuất huyết hoặc thủng và ở người cao tuổi. Những bệnh nhân này nên mới đầu điều trị với liều thấp nhất hiện có. Những bệnh nhân có tiền sử nhiễm độc dạ dày-ruột, đặc biệt là người cao tuổi, nên báo cáo bất kỳ triệu chứng bụng bất thường nào, nhất là trong giai đoạn đầu điều trị. Nên thận trọng ở những bệnh nhân dùng đồng thời với các thuốc có thể làm tăng nguy cơ loét hoặc xuất huyết như corticosteroid dạng uống, thuốc chống đông như warfarin, thuốc ức chế tái hấp thu serotonin chọn lọc hoặc thuốc chống kết tập tiểu cầu như aspirin. Khi xuất huyết hoặc loét dạ dày-ruột xảy ra ở bệnh nhân sử dụng flurbiprofen, phải ngừng điều trị. *Da*: các phản ứng da nghiêm trọng, một số trường hợp gây tử vong, bao gồm viêm da tróc vảy, hội chứng Steven-Johnson và hoại tử biểu bì nhiễm độc đã được báo cáo rất hiếm gặp liên quan với việc sử dụng thuốc NSAID. Các bệnh nhân dường như có nguy cơ cao nhất về những phản ứng này xảy ra ở đa số trường hợp trong tháng đầu điều trị. Phải ngừng dùng viên ngậm Strepsils Maxpro khi có biểu hiện đầu tiên về phát ban da, tổn thương niêm mạc hoặc bất cứ dấu hiệu nào khác về phản ứng quá mẫn. • **Tác dụng không mong muốn**: Viên ngậm Strepsils Maxpro có khả năng gây kích ứng tại chỗ ở niêm mạc miệng thoáng qua. Các tác dụng phụ được báo cáo thường gặp nhất trong các thử nghiệm lâm sàng là sai lệch vị giác. Phản ứng quá mẫn đã được báo cáo và có thể bao gồm: (a) Phản ứng dị ứng không đặc hiệu và phản vệ. (b) Phản ứng đường hô hấp ví dụ hen, hen trầm trọng thêm, co thắt phế quản, khó thở. (c) Các phản ứng da khác nhau ví dụ ngứa, nổi mề đay, phù mạch và bệnh da tróc vảy bong nước hiếm gặp hơn (bao gồm hoại tử biểu bì và ban đỏ đa dạng). Danh sách các tác dụng phụ sau đây liên quan đến những người đã dùng thuốc NSAID với các liều thuốc không kê đơn (OTC) để sử dụng ngắn hạn. Trong điều trị các tình trạng mạn tính, điều trị lâu dài, các tác dụng phụ thêm có thể xảy ra. *Phản ứng quá mẫn*: Ít gặp: Phản ứng quá mẫn với nổi mề đay và ngứa. Rất hiếm gặp: Phản ứng quá mẫn nặng. Các triệu chứng có thể là sưng mặt, lưỡi và thanh quản, khó thở, nhịp tim nhanh, hạ huyết áp (phản vệ, phù mạch hoặc sốc nặng). Cơ hen và co thắt phế quản. *Tiêu hóa*: Các tác dụng phụ thường gặp nhất được quan sát thấy về bản chất là ở đường tiêu hóa. Ít gặp: đau bụng, buồn nôn, khó tiêu. Hiếm gặp: Tiêu chảy, đầy hơi, táo bón và nôn. Rất hiếm gặp: loét dạ dày tá tràng, thủng hoặc xuất huyết dạ dày-ruột, phân đen, nôn ra máu, đôi khi gây tử vong, đặc biệt ở người cao tuổi. Viêm loét miệng, viêm dạ dày. Đợt cấp của viêm đại tràng và bệnh Crohn. *Hệ thần kinh*: Ít gặp: Nhức đầu. Rất hiếm gặp: Viêm màng não vô khuẩn – các trường hợp riêng lẻ đã được báo cáo rất hiếm gặp. *Thận*: Rất hiếm gặp: Suy thận cấp, hoại tử nhú thận, đặc biệt khi sử dụng dài hạn, đi kèm với tăng urê huyết thanh và phù. *Gan*: rất hiếm gặp: rối loạn gan. *Huyết học*: Rất hiếm gặp: Rối loạn tạo máu (thiếu máu, giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu, giảm toàn thể huyết cầu, mất bạch cầu hạt). Các dấu hiệu đầu tiên là sốt, viêm họng, loét miệng nông, triệu chứng giống cúm, kiệt sức nghiêm trọng, xuất huyết và bầm tím không giải thích được. *Da*: Ít gặp: Phát ban da khác nhau. Rất hiếm gặp: Các phản ứng da nặng như phản ứng bong nước bao gồm hội chứng Stevens-Johnson, ban đỏ đa dạng và hoại tử biểu bì nhiễm độc có thể xảy ra. *Hệ miễn dịch*: Ở những bệnh nhân bị rối loạn tự nhiên từ trước (như lupus ban đỏ hệ thống, bệnh mô liên kết hỗn hợp) trong khi điều trị bằng ibuprofen đã quan sát thấy các trường hợp riêng lẻ về triệu chứng của viêm màng não vô khuẩn như cứng cổ, nhức đầu, buồn nôn, nôn, sốt hoặc mất định hướng. *Tim mạch và mạch máu não*: Phù, tăng huyết áp và suy tim đã được báo cáo liên quan với việc điều trị bằng thuốc chống viêm không steroid (NSAID). Dữ liệu thử nghiệm lâm sàng và dịch tễ học cho thấy việc sử dụng NSAID, đặc biệt ở liều cao (2400mg/ngày) và điều trị dài hạn có thể liên quan với sự tăng nhẹ nguy cơ biến cố huyết khối động mạch (ví dụ nhồi máu cơ tim hoặc đột quỵ). **Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc** • **Phụ nữ có thai và cho con bú**: Trong khi không có tác dụng gây quái thai đã được chứng minh ở các thí nghiệm trên động vật, nên tránh sử dụng viên ngậm Strepsils Maxpro trong 6 tháng đầu của thai kỳ, nếu có thể được. Trong ba tháng cuối của thai kỳ, chống chỉ định dùng flurbiprofen vì có nguy cơ đóng sớm ống động mạch của thai nhi và có thể tăng huyết áp động mạch phổi kéo dài. Khởi phát chuyển dạ có thể bị chậm trễ và thời gian tăng lên cùng với xu hướng chảy máu tăng lên ở cả người mẹ và con. Flurbiprofen xuất hiện trong sữa mẹ ở nồng độ rất thấp và không có khả năng ảnh hưởng bất lợi đến trẻ sơ sinh bú sữa mẹ • **Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**. • **Nhà sản xuất**: Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd. 65 Moo 12, Lardkrabang – Bangplee Road, Bangplee, Samutprakarn 10540, Thailand. Số Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc của Bộ Y tế: 141/2019/XNQC/QLD, ngày 03 tháng 06 năm 2019.

Giảm triệu chứng trào ngược dạ dày thực quản

- Ợ nóng
- Ợ chua
- Khó tiêu



GAVISCON®

Natri alginate, Natri bicarbonate và Calci carbonate



Bằng cách phản ứng với axit dạ dày tạo thành lớp màng gel Alginate lơ lửng phía trên các chất trong dạ dày làm cản trở một cách hiệu quả sự trào ngược dạ dày - thực quản Gaviscon giảm triệu chứng ợ nóng và ợ chua.

Thành phần: Hỗn dịch uống: Mỗi 5 ml (1 muỗng cà phê đầy) chứa: Natri alginate 250 mg, natri bicarbonat 133,5 mg, calci carbonate 80 mg. Mỗi gói (10 ml) chứa: Natri alginate 500 mg, natri bicarbonate 267 mg, calci carbonate 160 mg. **Chỉ định:** Điều trị các triệu chứng của trào ngược dạ dày-thực quản như ợ nóng, khó tiêu và ợ chua liên quan đến sự trào ngược như sau bữa ăn, hoặc trong khi mang thai, hoặc trên những bệnh nhân có các triệu chứng liên quan tới viêm thực quản do trào ngược. **Liều lượng và cách dùng:** Dùng đường uống. **Dạng chai:** Lắc kỹ trước khi dùng. Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi: 10-20ml (2-4 muỗng đầy 5 ml), 4 lần/ngày (sau 3 bữa ăn và lúc đi ngủ). Trẻ em 6-12 tuổi: 5-10 ml (1-2 muỗng đầy 5 ml), 4 lần/ngày (sau 3 bữa ăn và lúc đi ngủ). Trẻ em dưới 6 tuổi: Không khuyến dùng. Người cao tuổi: Không cần điều chỉnh liều đối với nhóm tuổi này. **Dạng gói:** Người lớn và trẻ em từ 12 tuổi trở lên: 1-2 gói, 4 lần/ngày (sau 3 bữa ăn và lúc đi ngủ). Trẻ em dưới 12 tuổi: tham khảo ý kiến của bác sỹ. Người cao tuổi: không cần điều chỉnh liều đối với nhóm tuổi này. **Chống chỉ định:** Thuốc chống chỉ định với bệnh nhân đã biết hoặc nghi ngờ mẫn cảm với hoạt chất hoặc bất cứ thành phần nào của tá dược. **Cảnh báo và thận trọng:** **Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ.** Hàm lượng natri trong một liều 10 ml là 141 mg (6,2 mmol). Điều này nên được tính đến khi cần chế độ ăn kiêng muối nghiêm ngặt như trong một số trường hợp suy tim sung huyết và suy thận. Mỗi liều 10 ml chứa 160 mg (1,6 mmol) calci carbonate. Cần thận trọng khi điều trị cho những bệnh nhân bị tăng calci huyết, nhiễm calci thận và sỏi calci thận tái phát. Có khả năng hiệu quả của thuốc bị giảm ở những bệnh nhân có nồng độ acid dạ dày rất thấp. Nếu các triệu chứng không cải thiện sau 7 ngày, nên xem lại tình trạng lâm sàng. Thông thường không khuyến dùng cho trẻ em dưới 12 tuổi, trừ khi có lời khuyên của bác sỹ. Thuốc có chứa methyl parahydroxybenzoat (E218) và propyl parahydroxybenzoat (E216) là những chất có thể gây các phản ứng dị ứng (có thể là phản ứng dị ứng chậm). **Tương tác với các thuốc khác và các dạng tương tác khác:** Chưa được biết. **Phụ nữ có thai và cho con bú:** Các nghiên cứu mở có kiểm chứng trên 281 phụ nữ mang thai không cho thấy bất kỳ tác dụng có hại đáng kể nào của Gaviscon lên quá trình mang thai hay lên sức khỏe của thai nhi/ trẻ sơ sinh. Dựa trên kinh nghiệm này và trước đó, thuốc có thể dùng trong khi mang thai và cho con bú. **Thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.** **Nhà Sản Xuất:** Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited, Dansom Lane, Hull, East Yorkshire, HU8 7DS, Vương quốc Anh. **Nhập Khẩu Bội:** Vimedimex Bình Dương, Số 18 L1-2, VSIP II, Đường số 3, KCN Việt Nam-Singapore 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Số giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc của Cục Quản lý Dược 188/2017/XNQC-QLD, ngày 28 tháng 6 năm 2017. Ngày 26 tháng 07 năm 2017 in tài liệu